

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

NGUYỄN MINH HẢI

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM
BÁO CHÍ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2016

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN MINH HẢI

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM
BÁO CHÍ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự
Mã số: 60 38 01 03*

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh

Hà Nội – 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Nguyễn Minh Hải

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU	1
Chương 1	5
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM BÁO CHÍ	5
1.1. Khái quát chung về tác phẩm báo chí	5
1.1.1. Khái niệm tác phẩm báo chí.	5
1.1.2. Đặc điểm của tác phẩm báo chí.....	7
1.2. Khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	11
1.2.1. Khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	11
1.2.2. Đặc trưng của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	14
1.3. Sự hình thành và phát triển các quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam.	17
1.4. Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo các điều ước quốc tế và pháp luật một số quốc gia.	24
1.4.1. Các Điều ước quốc tế	24
1.4.2. Pháp luật một số quốc gia	28
Kết luận chương 1	35
Chương 2	36
NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM BÁO CHÍ	36
2.1. Những nội dung cơ bản của bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí	36
2.1. 1. Điều kiện bảo hộ tác phẩm báo chí	36
2.1.2. Chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	39
2.1.3. Nội dung quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí	44
2.1.4. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	52
2.1.5. Giới hạn quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	53
2.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí	58
2.3. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí	63
2.2.1. Biện pháp dân sự	64
2.2.2. Biện pháp hình sự	69

2.2.3. <i>Biện pháp hành chính</i>	70
2.2.4. <i>Biện pháp kiểm soát biên giới</i>	71
Kết luận chương 2.....	74
Chương 3	75
THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM BÁO CHÍ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM BÁO CHÍ.....	75
3.1. Thực trạng hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam.....	75
3.1.1. <i>Thực trạng vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí</i>	75
3.1.2. <i>Thực tiễn áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí</i>	83
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.....	87
3.2.1. <i>Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí</i>	87
3.2.2. <i>Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí</i>	91
Kết luận chương 3.....	99
KẾT LUẬN.....	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật Dân sự
LSHTT	Luật Sở hữu trí tuệ
Nghị định số 100/2006/NĐ-CP	Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan
Nghị định số 85/2011/NĐ-CP	Nghị định 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 100/2006/NĐ-CP; Nghị định 131/2013/NĐ-CP ngày 13/05/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan
TPP	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua lịch sử hơn 100 năm ra đời và phát triển, báo chí đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Báo chí không chỉ là cơ quan ngôn luận, là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, mà là kênh thông tin hữu ích phục vụ mọi nhu cầu thông tin của nhiều lớp người trong xã hội. Đó vừa là niềm vinh dự lớn, vừa đặt ra những yêu cầu và trách nhiệm nặng nề đối với những người làm báo. Nghề báo là một nghệ thuật cần nhiều tâm huyết, yếu tố sáng tạo cần được phát huy cao độ để có thể mang lại những sản phẩm báo chí chưa đựng giá trị tinh thần toàn diện được công chúng đón nhận. Một trong những cơ sở quan trọng nhất để khuyến khích sự sáng tạo, phát triển trong nghề báo đó là việc thực hiện tốt cơ chế bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

Hoạt động báo chí Việt Nam lần đầu được luật hoá tại Luật số 100 SL – L002 ngày 20/05/1957 ban hành kèm theo Sắc lệnh số 282/SL của Chủ tịch nước. Đến ngày 14/11/1986, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 142/HĐBT về bảo hộ quyền tác giả ghi nhận quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với một số thể loại tác phẩm báo chí nói riêng. Cho đến nay, hệ thống pháp lý về quyền tác giả của Việt Nam đã tương đối đầy đủ, bao gồm tổng hợp cả Luật, Nghị định, Thông tư ...bên cạnh đó là việc tham gia ký kết Công ước quốc tế, Hiệp định đảm bảo thi hành quyền tác giả đã tạo ra một hành lang pháp lý cho việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí . Tuy nhiên, trên thực tế khả năng thực thi, bảo hộ quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí hiện đang gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

Những hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí diễn ra thường xuyên, liên tục và không có hướng giải quyết nguyên nhân trực tiếp là do LSHTT hiện nay tồn tại quá nhiều bất cập liên quan đến vấn đề này cần được nghiên cứu và hoàn thiện. Mặc dù đã được đưa ra bàn luận rất nhiều nhưng cho đến nay, những quy định pháp luật liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí còn điều chỉnh mang tính chung chung, bao quát, không cụ thể, rõ ràng., khó thực

thi. Điều đó cũng dẫn đến việc ý thức tuân thủ và thi hành pháp luật về quyền tác giả với tác phẩm báo chí chưa thực sự đi vào đời sống báo chí nói riêng và đời sống xã hội nói chung. Cũng cần phải nhắc đến cả sự thiếu quyết liệt của chính tác giả và chủ sở hữu tác phẩm trong việc tự bảo vệ tác phẩm chính mình đã đầu tư công sức, tâm huyết, chi phí để truyền đạt đến công chúng.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn hiện nay, các sản phẩm kỹ thuật số đang dần chiếm lĩnh mọi mặt của đời sống, Internet mang tính toàn cầu hóa là một thách thức lớn đối với vấn đề sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng. Bởi các văn bản pháp luật vẫn chưa dự liệu được hết để có thể điều chỉnh quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số này. Hơn nữa, với sự tham gia các Hiệp định thương mại tự do mang tính chất toàn cầu như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), việc sửa đổi pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung và pháp luật quyền tác giả nói riêng để tương thích với các cam kết quốc tế, tạo điều kiện hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam hiện nay.

Với mục đích nghiên cứu sâu về vấn đề này để có thể đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi trên thực tế, tác giả đã chọn “*Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam*” để làm đề tài cho luận văn cao học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Đề tài tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, qua đó làm sáng tỏ các luận cứ khoa học về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Trên cơ sở đó, xây dựng và kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế bảo hộ đối với tác phẩm báo chí tại Việt Nam hiện nay.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Để đạt được những mục tiêu tổng quát trên, đề tài tập trung nghiên cứu những mục tiêu cụ thể sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

- Đánh giá đúng đắn và toàn diện về thực trạng pháp luật về quyền tác giả và thực tiễn thực thi quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí hiện nay tại Việt Nam trên cơ sở có sự so sánh, tham khảo pháp luật quốc tế và quy định pháp luật của một số quốc gia phát triển mạnh về bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Từ đó tìm ra những hạn chế, bất cập cần phải khắc phục trong các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí hiện nay ở nước ta.

- Đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện vào hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng. Đồng thời, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

3. Tính mới và đóng góp của đề tài.

Là công trình khoa học nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, luận văn có những đóng góp mới chủ yếu sau đây:

- Luận văn đã phân tích, đánh giá một cách tương đối đầy đủ và toàn diện về thực trạng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam và việc thực thi các quy định này trong thực tiễn;

- Luận văn đã luận giải về các yêu cầu hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của về quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ để nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam hiện nay.

- Qua việc nghiên cứu và phân tích về thực trạng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, thực tiễn thực thi, đưa ra các ý kiến nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế, tác giả mong muốn góp phần vào công cuộc bảo vệ, chống vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, góp phần hoàn chỉnh hành lang pháp lý, bảo đảm an toàn, khuyến khích và bảo hộ có hiệu quả các hoạt động sáng tạo cũng như thu hút sự đầu tư.

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận liên quan đến bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam hiện hành, thực trạng pháp luật quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí và thực tiễn thực thi hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu một cách tổng thể, khái quát những quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, các Điều ước quốc tế có liên quan và pháp luật của một số nước trên thế giới về lĩnh vực này.

5. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Tìm ra những hạn chế, bất cập cần phải khắc phục và đưa ra các giải pháp trong các quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở nước ta hiện nay.

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở ở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng là phân tích, tổng hợp, lịch sử, so sánh, thống kê ...

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương. Cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

Chương 2: Những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

Chương 3: Thực trạng hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí và nâng cao hiệu quả thực thi các biện pháp bảo vệ.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM BÁO CHÍ

1.1. Khái quát chung về tác phẩm báo chí

1.1.1. Khái niệm tác phẩm báo chí.

Khái niệm “*báo chí*”, hiểu theo nghĩa rộng bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, hiểu theo nghĩa hẹp bao gồm báo và tạp chí. Ở góc tiếp cận từ lý thuyết, báo chí được coi là “*những tư liệu sinh hoạt tinh thần nhằm thông tin và nói rõ về những sự kiện th ời sự đã và đang diễn ra cho một nhóm đối tượng nhất định , xuất bản định kỳ, đều đặn*” [26, tr103]. Dưới góc độ pháp lý, Luật Báo chí năm 1989 sửa đổi bổ sung năm 1999 đưa ra định nghĩa báo chí là “*phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (dưới đây gọi chung là tổ chức); là diễn đàn của nhân dân*” (Điều 1). Luật Báo chí năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017) tiếp cận từ hình thức thể hiện từ đó định nghĩa báo chí là “*sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử*” (khoản 1 Điều 3).

Về thuật ngữ “*tác phẩm*”, đây là thuật ngữ dùng chung cho các loại tác phẩm văn học, nghệ thuật, mỹ thuật, khoa học. Theo sách Từ điển Tiếng Việt, “*tác phẩm là một công trình do các nhà văn hóa – nghệ thuật hoặc khoa học sáng tạo ra*”.

Như vậy, hiểu theo ngữ nghĩa của từ, “*tác phẩm báo chí*” là thuật ngữ để chỉ sản phẩm trí tuệ được sáng tạo ra và được đăng tải i trên báo chí. Tuy nhiên, không phải tác phẩm nào được đăng tải trên báo chí cũng được coi là “*tác phẩm báo chí*” mà tùy thuộc vào nội dung thông tin mà tác phẩm muốn truyền đạt. Bởi, báo chí là một phương tiện thông tin, sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong xã hội,

do đó để được xem là một tác phẩm báo chí, tác phẩm đó phải có nội dung nhằm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong xã hội. Những tác phẩm được đăng tải trên báo chí nhưng nội dung lại về trí tưởng tượng hay mang tính nghệ thuật như truyện ngắn, tản văn, thơ... hoặc để quảng cáo, giới thiệu việc làm... thì không được coi là tác phẩm báo chí mà gọi là tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật hoặc tác phẩm làm dịch vụ.

Tại cuốn sách *Từ lý luận đến thực tiễn báo chí*, nhà nghiên cứu báo chí Tạ Ngọc Tấn định nghĩa: “*Tác phẩm báo chí là một chỉnh thể chuyển tải nội dung thông tin mang tính thời sự với hình thức tương ứng*” [1, tr101].

Từ định nghĩa trên, có thể hiểu: một sản phẩm thông tin, nếu hội tụ đủ hai phần tạo nên một chỉnh thể và có mối quan hệ hữu cơ với nhau, bao gồm một nội dung thông tin mang tính thời sự đi kèm với một hình thức biểu đạt tương ứng – được coi là một tác phẩm báo chí.

Nội dung thông tin mang tính thời sự có thể là các sự kiện, vấn đề, hiện tượng, chân dung con người, tương ứng với đối tượng phản ánh của tác phẩm báo chí là con người và sự việc đã, đang và sẽ tồn tại trong cuộc sống hiện thực khách quan được tác giả lựa chọn để điều tra, nghiên cứu, khai thác tư liệu để phản ánh trong tác phẩm của mình.

Tương ứng với nội dung thông tin được truyền đạt, hình thức của tác phẩm báo chí có thể là phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí... Cấu thành hình thức của tác phẩm báo chí là các dạng vật chất đơn giản như chữ viết, hình ảnh, âm thanh thể hiện trên nền các loại hình báo chí là báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử.

Theo các quy định pháp luật hiện hành, tác phẩm báo chí được định nghĩa: “*Tác phẩm báo chí là tên gọi chung cho tất cả các thể loại tin, bài, ảnh... đã được đăng, phát trên báo chí*” (khoản 18 Điều 1 Nghị định 51/2002/NĐ-CP)

“*Tác phẩm báo chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm các thể loại: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm*

đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác” (Điều 11 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP).

“Tác phẩm báo chí là đơn vị cấu thành nhỏ nhất của sản phẩm báo chí, có nội dung độc lập và cấu tạo hoàn chỉnh, gồm tin, bài được thể hiện bằng chữ viết, âm thanh hoặc hình ảnh” (Khoản 7 Điều 3 Luật Báo chí năm 2016).

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa : *Tác phẩm báo chí là sản phẩm sáng tạo trí tuệ thể hiện dưới dạng chữ viết, âm thanh, hình ảnh, nhằm mục đích truyền tải thông tin về những vấn đề, sự kiện trong đời sống xã hội đến công chúng; có hình thức tương ứng với nội dung thông tin; được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và là một bộ phận cấu thành của sản phẩm báo chí.*

Tác phẩm báo chí thể hiện các chức năng cơ bản hướng tới đối tượng tiếp nhận là công chúng: chức năng thông báo tin tức, chức năng tạo ra dư luận xã hội và phản biện xã hội, chức năng kích thích sự chu chuyển xã hội (tạo ra phong trào hành động). Các chức năng này được đặt trong một mối liên hệ thống nhất mà cơ sở là chức năng thông báo tin tức. Từ bản chất là hoạt động truyền tin, hình thành dòng thông tin đại chúng, hướng tác động vào đông đảo công chúng, giá trị của tác phẩm báo chí thể hiện ở việc lôi kéo, tập hợp, giáo dục, thuyết phục, tổ chức đông đảo nhân dân tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội đang đặt ra theo hướng chính trị nhất định hoặc tạo lập diễn đàn xã hội rộng rãi thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân vào bàn luận những vấn đề thiết thực, liên quan đến đời sống cộng đồng.

1.1.2. Đặc điểm của tác phẩm báo chí.

Tác phẩm báo chí có phạm vi rất rộng, đa dạng và phong phú. Về khách quan, tính chất rộng, đa dạng và phong phú là hệ quả của nhu cầu tiếp nhận thông tin phong phú, đa dạng của công chúng. Nhu cầu đó thường xuyên chịu sự chi phối của áp lực thời sự, chính trị và thị hiếu thông tin, đồng thời, nhu cầu đó luôn luôn vận động theo tiến trình vận động của đời sống. Về chủ quan, tính chất rộng, đa dạng và phong phú chi phối “trường hoạt động” sáng tạo của chủ thể tác giả đặc biệt đối với loại hình tác phẩm báo chí là nhà báo. Do đó, đối tượng phản ánh của

tác phẩm báo chí vô cùng rộng , bao gồm cả sự kiện , hiện tượng , vấn đề , con người...Tuy nhiên, dù đối tượng phản ánh khác nhau , nhưng mỗi tác phẩm báo chí luôn có những đặc trưng chung phân biệt với những tác phẩm văn học , nghệ thuật, khoa học khác . Những đặc trưng này thể hiện ở hai yếu tố cấu thành tác phẩm báo chí là yếu tố nội dung và yếu tố hình thức .

Về nội dung , xuất phát từ chức năng quan trọng của tác phẩm báo chí là truyền tải thông tin , nội dung của một tác phẩm báo chí luôn đặc trưng bởi tính thời sự, tính xác thực, tính định hướng trực tiếp.

Tính thời sự chỉ những sự việc, sự kiện đã và đang xảy ra, có ý nghĩa xã hội và được nhiều người quan tâm . Đó là những sự kiện công chúng muốn biết , cần biết nhưng chưa biết hoặc những sự kiện lãnh đạo cần thông tin cho công chúng để thực hiện mục đích chính trị của mình , sự kiện đã xảy ra từ lâu nhưng nay mới biết hoặc xảy ra đã lâu nhưng mang ý nghĩa thời sự, thời cuộc.

Tính xác thực đòi hỏi tác giả tác phẩm báo chí khi thông tin về những biến cố, sự việc, con người, hoàn cảnh, tình huống đều phải là những cái có thật vừa mới xảy ra, đang xảy ra hoặc chắc chắn sẽ xảy ra .

Tính định hướng trực tiếp thể hiện ở hiệu ứng xã hội của thông tin mà tác phẩm báo chí truyền tải , đó là những sự kiện , sự việc, vấn đề đưa ra phải là những vấn đề thiết thân liên quan đến đời sống của cộng đồng . Những giá trị thông tin mà tác phẩm báo chí mang lại giúp cho công chúng nắm bắt kịp thời bản chất sự kiện để có những phản ứng một cách tích cực. Phản ứng là một quá trình tiếp nhận, xử lý, hiện thực hoá các giá trị thông tin của tác phẩm báo chí trong cuộc sống bằng những việc làm cụ thể như: học tập, vận dụng những phương pháp, cách làm mới, đồng thời tránh được những khuyết điểm, sai lầm trong tư duy và cách làm cũ kỹ, lạc hậu. Thước đo giá trị hiện thực hoá phụ thuộc hàm lượng sự thật và sự đúng đắn mang tính bản chất của tác phẩm báo chí tác động vào đời sống, làm thay đổi hành vi, cách nghĩ của con người trong các hoạt động chính trị-kinh tế-văn hoá- xã hội. Đó chính là tính hiệu quả và định hướng trực tiếp của tác phẩm báo chí.

Một trong những nguyên tắc trong thông tin báo chí là thông tin đưa ra phải bảo đảm được tính tức thời và được sự hưởng ứng của cộng đồng chứ không thể rơi vào khoảng không hoặc bị đối xử thờ ơ trong thời gian quá dài. Bởi vì, trong thực tế, không chỉ đơn thuần là thông tin, các tác phẩm báo chí còn hướng tới mục tiêu mang tính cấp bách hơn là phải xử lý và giải quyết được những vấn đề bức xúc, nóng hổi mà nó phản ánh.

Những đặc trưng về mặt nội dung trên của tác phẩm báo chí là cơ sở để có thể phân biệt với tác phẩm văn học. Báo chí và văn học có chung một đối tượng nhận thức là hiện thực đời sống, cùng sử dụng ngôn từ như một công cụ chủ yếu để phản ánh hiện thực. Tuy nhiên, đây là hai hình thái ý thức xã hội đặc thù, có những đặc trưng, đặc điểm khác biệt. Cùng là hiện thực muốn phản ánh đến công chúng, nhưng tác phẩm báo chí luôn đảm bảo sự kiện thời sự và xác thực, liên quan đến đời sống thiết thân của đông đảo công chúng, trong khi tác phẩm văn học chủ yếu là các hình tượng nghệ thuật, chuyển tải những thông điệp nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần trong đời sống của cộng đồng như nhận thức, giáo dục, tư tưởng và ý thức thẩm mỹ. Cũng từ đặc điểm này, nhà văn luôn luôn có xu hướng chủ quan hóa các sự việc, sự kiện và chi tiết, thậm chí áp đặt dấu ấn riêng của chính mình lên phần hiện thực được phản ánh qua tác phẩm; trong khi đó nhà báo luôn luôn có xu hướng khách quan hóa sự việc, sự kiện và chi tiết trong phần hiện thực được phản ánh, tìm kiếm sự đồng thuận với công chúng bằng việc tôn trọng thực tế khách quan, do vậy họ luôn chịu sự quy định và chi phối khá ngặt nghèo bởi tính thời sự, tính xác thực, tính chân thật... coi đây là tiêu chuẩn sống còn của tác phẩm cũng là nguyên tắc trong đạo đức nghề nghiệp.

Bởi đặc trưng tính thời sự, tính xác thực, cùng một sự kiện, biến cố, con người... có thể có rất nhiều tác phẩm báo chí cùng tiếp cận, nội dung sự kiện có thể giống nhau nhưng cách tiếp cận và hình thức thể hiện là khác nhau. Điều này cũng dẫn đến hiện tượng sao chép tin tức, sao chép nội dung, hình ảnh của các báo đã đưa tin trước, đặc biệt tình trạng này phổ biến ở báo điện tử hiện nay. Do vậy, việc

bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí thực sự cần thiết để bảo vệ những tác giả đã bỏ công sức, trí tuệ để sáng tạo ra tác phẩm báo chí.

Về hình thức, tác phẩm báo chí là toàn bộ các yếu tố hàm chứa a, biểu hiện và chuyển tải nội dung bao gồm : thể loại, kết cấu, dung lượng, bút pháp, giọng điệu, ngôn ngữ, trong đó, ngôn ngữ là đặc trưng tiêu biểu nhất của tác phẩm báo chí so với các tác phẩm văn học , hay khoa học , nghệ thuật khác . Ngôn ngữ tác phẩm báo chí luôn đảm bảo tính chính xác và hàm súc . Ngôn ngữ chính xác luôn phải phản ánh đúng bản chất của sự vật trong từng thời khắc , từng bối cảnh nhất định. Dù dùng ngôn ngữ nào (văn bản, hình ảnh, âm thanh), tác phẩm báo chí được tạo ra vẫn phải là một văn bản đơn nghĩa , dễ hiểu cho mọi tầng lớp công chúng . Mặc dù có ít màu sắc , dấu ấn riêng và vẫn được coi là ngôn ngữ của cộng đồng , tuy nhiên, ngôn ngữ của tác phẩm báo chí luôn được nâng cao và chuẩn mực hóa . Đó là ngôn ngữ hàng ngày , hấp dẫn công chúng bằng những cách nói , cách viết gắn liền với những sự việc, sự kiện, tình huống, hoàn cảnh...gần với đời thường nhưng cũng hết sức sinh động nhờ vẻ đẹp của sự chính xác , sắc xảo, ở hiệu năng tối đa trong việc truyền tải thông tin . Trong khi đó , ngôn ngữ của tác phẩm văn học giàu hình ảnh và cảm xúc với những biện pháp nghệ thuật phong phú nhằm tái tạo hình tượng nghệ thuật bởi ngoài nhiệm vụ phản ánh chân thực đời sống, tác phẩm văn học còn phải thể hiện được góc nhìn thẩm mỹ của nhà văn trước hiện thực. Trong tác phẩm văn học, ngôn ngữ phải được lựa chọn, tổ chức, sáng tạo trên cơ sở của một quan niệm thẩm mỹ của tác giả. Chính những khác biệt về mặt ngôn ngữ nói trên dẫn đến sự khác biệt về tính chất, màu sắc thông tin đa nghĩa giữa văn bản của tác phẩm văn học so với tác phẩm báo chí là loại văn bản đơn nghĩa.

Về thể loại, theo cách phân loại phổ biến hiện nay , báo chí được phân thành ba nhóm: *nhóm thể loại thông tấn báo chí* bao gồm tin, bài thông tấn, tường thuật, điều tra, ghi nhanh, phỏng vấn sự kiện, phóng sự sự kiện...; *nhóm thể loại chính luận báo chí* bao gồm bình luận, xã luận, điều tra, bài phê bình, phỏng vấn vấn đề...; *nhóm thể loại tài liệu – nghệ thuật* bao gồm phóng sự , phỏng vấn chân dung, ký chân dung, ký chính luận, thư phóng viên, sổ tay phóng viên, nhật ký phóng

viên ... Sự phân loại như trên cũng chỉ mang tính chất tương đối bởi việc phân loại có thể dựa trên nhiều tiêu chí và cách nhìn nhận khác nhau từ người nghiên cứu . Tuy nhiên, không phải tất cả các thể loại báo chí trên đều thuộc đối tượng bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ . Tại Điều 11 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP có quy định: “*Tác phẩm báo chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm các thể loại: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác*”. Mặt khác, để xét một tác phẩm là tác phẩm báo chí, phải có đầy đủ hai yếu tố cấu thành là nội dung và hình thức , dù là loại hình nào, tác phẩm báo chí bên cạnh nội dung cũng cần tuân thủ kết cấu cũng như ngôn ngữ đặc trưng của tác phẩm báo chí.

Một điểm đặc trưng khác của tác phẩm báo chí đó là vị trí người trần thuật . Ở tác phẩm báo chí, người trần thuật vừa đóng vai trò là chủ thể sáng tạo , trực tiếp xử lý và định đoạt mọi mối quan hệ trong tác phẩm, vừa đóng vai trò tạo niềm tin cho độc giả. Còn ở tác phẩm văn học , điểm nhìn trần thuật của chủ thể phản ánh vừa có thể trực tiếp (đối đáp trực diện), vừa có thể gián tiếp (qua hình dung, suy tưởng với một thời gian và không gian cách xa). Trong khi nhân vật trong tác phẩm báo chí thường đòi hỏi phải được xác định rõ ràng từ danh tính , nghề nghiệp, địa bàn cư trú...cho đến cử chỉ, hành vi...thì nhân vật ở tác phẩm văn học luôn được xem như là một yếu tố làm nên cốt lõi sự kiện . Do đó, công chúng đón nhận tác phẩm báo chí để có thể biết các sự việc thực tế đang diễn ra quanh mình được tường thuật lại , trong khi đó tác phẩm văn học giống lại nhằm đến những hình tượng nghệ thuật vốn đi ra từ cuộc sống nhưng lại in đậm dấu ấn riêng về quan niệm thẩm mỹ của tác giả.

1.2. Khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí

1.2.1. Khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí

Quyền tác giả được hiểu là một bộ phận cấu thành của quyền sở hữu trí tuệ – quyền đối với các tài sản trí tuệ của con người được pháp luật ghi nhận và bảo hộ . Đối tượng của quyền tác giả bao gồm các sáng tạo tinh thần có tính chất văn hóa, đó

là các sản phẩm trí tuệ phục vụ nhu cầu về tinh thần, giải trí của con người, có thể là các sản phẩm văn học, khoa học, nghệ thuật...được gọi chung là “*tác phẩm*”.

Căn cứ phát sinh quyền tác giả là thành quả sáng tạo của tác giả, tuy nhiên thành quả này phải được thể hiện dưới một hình thức nhất định mà không phải những ý tưởng sáng tạo chứa đựng trong tác phẩm, được thể hiện ra từ tác phẩm. Do đó, quyền tác giả được bảo hộ không phụ thuộc vào nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm, mà chỉ bảo hộ hình thức thể hiện tác phẩm. Bên cạnh đó, tác phẩm được bảo hộ phải có tính nguyên gốc, không sao chép, bắt chước tác phẩm khác. “*Điều có không có nghĩa là ý tưởng của tác phẩm phải mới mà có nghĩa là hình thức thể hiện của ý tưởng phải do chính tác giả sáng tạo ra*” [4,tr101].

Nội dung của quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân bao gồm quyền nhân thân gắn với tài sản và quyền nhân thân không gắn với tài sản. Các quyền nhân thân không gắn với tài sản là những quyền gắn liền với giá trị nhân thân của tác giả và không thể chuyển giao, bao gồm ba quyền: quyền được đặt tên tác phẩm, đứng tên tác phẩm và bảo vệ sự toàn vẹn của nội dung tác phẩm. Quyền này gắn liền với tác giả kể cả khi quyền sử dụng, định đoạt tác phẩm đã được chuyển giao và được bảo hộ vô thời hạn. Quyền nhân thân gắn với tài sản là quyền cho hay không cho người khác sử dụng tác phẩm, quyền này có thể chuyển giao và gắn liền với các chế định về quyền tài sản trong quyền tác giả. Đối với quyền tài sản, bao gồm quyền sử dụng và quyền được khai thác tác phẩm dưới các hình thức do pháp luật quy định. Quyền tài sản là quyền có thể chuyển giao và không được bảo hộ vô thời hạn. Quyền sử dụng bao gồm quyền làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm trước công chúng, sao chép tác phẩm, phân phối nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, truyền đạt tác phẩm đến công chúng, cho thuê tác phẩm. Mọi hành vi khai thác, sử dụng một hoặc một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản nêu trên đều phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

Như vậy, có thể hiểu quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc sở hữu. Đối tượng bảo hộ của quyền tác giả là các

sáng tạo có tính chất văn hóa (được gọi chung là tác phẩm) trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học. Quyền tác giả bảo vệ các quyền lợi cá nhân và lợi ích kinh tế của tác giả trong mối liên quan với tác phẩm. Quyền tác giả được công nhận khi sáng tạo này là mới, có một phần công lao của tác giả và có thể chỉ ra được là có tính chất duy nhất.

Dưới góc độ pháp lý, quyền tác giả được hiểu là “*tổng thể các quy phạm pháp luật về quyền tác giả nhằm xác nhận và bảo vệ quyền tác giả, xác định nghĩa vụ của các chủ thể trong sáng tạo và sử dụng các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; quy định trình tự thực hiện và bảo vệ các quyền đó khi có hành vi xâm phạm*” [2, tr.101]. Với quan niệm này, quyền tác giả là những quy định về: tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, các tác phẩm được bảo hộ, nội dung quyền tác giả, các trường hợp giới hạn quyền tác giả, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả và các biện pháp bảo vệ quyền tác giả.

Tác phẩm báo chí là một trong những loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả. Tác giả của tác phẩm báo chí được hưởng đầy đủ các quyền tác giả theo quy định của pháp luật, được Nhà nước bảo hộ và bảo đảm thực thi trên thực tế các quyền lợi đó. Theo các quy định của pháp luật hiện hành, việc bảo hộ quyền tác giả được hiểu là việc Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật về quyền tác giả, thực thi và bảo đảm thực thi pháp luật về quyền tác giả. Như vậy, việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí được hiểu là việc Nhà nước ban hành hệ thống các quy định nhằm xác lập, điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ pháp lý của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, thực thi và bảo đảm thực thi các quy định đó trên thực tiễn.

Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí không chỉ khuyến khích các nhà báo – tác giả của tác phẩm báo chí sáng tạo ra các sản phẩm có chất lượng truyền tải đến công chúng mà còn hình thành tâm lý tôn trọng quyền tác giả, coi việc trả tiền bản quyền là một nghĩa vụ đương nhiên, tôn trọng thành quả sáng tạo của người khác, góp phần tạo ra thị trường bản quyền lành mạnh, tạo nền tảng cho việc hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

1.2.2. Đặc trưng của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí

So với các loại hình tác phẩm được bảo hộ, tác phẩm báo chí khác biệt đó là ở nội dung thông tin truyền tải mang tính thời sự, tính khách quan, tính xác thực. Quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí cũng có những đặc trưng riêng so với quyền tác giả của các loại hình tác phẩm được bảo hộ khác, cụ thể:

Thứ nhất, về chủ thể quyền tác giả của tác phẩm báo chí.

- Nhà báo – tác giả đặc trưng của tác phẩm báo chí.

Nguyên tắc của hoạt động báo chí là quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận của mọi công dân. Mọi công dân đều có quyền sáng tạo tác phẩm báo chí, là tác giả của tác phẩm báo chí, cơ quan báo chí phải có trách nhiệm đăng các tác phẩm báo chí của công dân phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chủ thể đặc trưng đối với tác phẩm báo chí đó chính là nhà báo.

Nhà báo theo quy định của pháp luật hiện hành, được hiểu là người đang hoạt động hoặc công tác thường xuyên với một cơ quan báo chí Việt Nam và được cấp thẻ nhà báo. Nhà báo được pháp luật công nhận có quyền hoạt động báo chí trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ; có quyền khai thác và được cung cấp thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật; có quyền khước từ việc biên soạn hoặc tham gia biên soạn tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật về báo chí; có quyền được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ báo chí; hưởng một số chế độ ưu tiên cần thiết trong hoạt động báo chí theo quy định của Chính phủ; có quyền được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp. Không ai được đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật. Các quyền này được cụ thể hóa tại Nghị định 51/2002/NĐ-CP, theo đó quyền hạn của nhà báo gồm: được đến các cơ quan, tổ chức, thư viện, bảo tàng, triển lãm để thu thập thông tin, tra cứu tài liệu, làm nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan nhà nước không được từ chối cung cấp cho

nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước; được thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các đại hội và hội nghị công khai, các cuộc mít tinh, đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác theo giấy mời và các quy định cụ thể của Ban Tổ chức các hoạt động đó; được hoạt động nghiệp vụ lấy tin, chụp ảnh, quay phim, ghi âm tại các phiên tòa xét xử công khai, được dành chỗ ngồi riêng, được liên lạc trực tiếp với các thẩm phán, luật sư để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật; được ưu tiên trong việc mua vé tàu, vé xe, vé máy bay, chuyển nhanh điện tín, bài báo và ảnh, băng, đĩa ghi âm, ghi hình, các loại ấn phẩm báo chí khi hoạt động nghiệp vụ; được ưu tiên, tạo điều kiện đi lại thuận lợi trong trường hợp giao thông bị ách tắc, khó khăn và được hưởng chế độ miễn phí đối với phương tiện giao thông của cơ quan báo chí và nhà báo khi phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ báo chí.

Đối với các tác phẩm báo chí truyền hình, đặc trưng riêng là các thành viên biên tập, quay phim, kỹ thuật hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, lái xe tạo thành êkíp truyền hình trong sáng tạo tác phẩm. Đây được coi hoạt động đồng sáng tạo. Những người đồng tham gia sáng tạo ra tác phẩm báo chí được coi là đồng tác giả.

- Cơ quan báo chí – chủ thể đặc biệt của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí

Theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan báo chí là nơi thực hiện một số loại hình báo chí như báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử. Cơ quan báo chí là chủ thể đặc biệt của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí bởi *cơ quan báo chí là một trong các chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí*. Cơ quan báo chí giao cho nhà báo, phóng viên sáng tạo tác phẩm báo chí, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để nhà báo, phóng viên sáng tạo tác phẩm báo chí, trả lương hàng tháng cho nhà báo, phóng viên, trả nhuận bút cho nhà báo, phóng viên đối với sáng tạo trí tuệ của họ, do đó, cơ quan báo chí chính là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Trường hợp cơ quan báo chí có các cộng tác viên hợp tác, có thỏa thuận quy định chỉ cơ quan báo chí mới có quyền sử dụng tác phẩm báo chí, sau khi trả nhuận bút, cơ quan báo chí có quyền sở hữu đối với tác phẩm báo chí này. Và nếu

không quy định, tác giả có quyền quyết định cho phép đăng hay không đăng lại tại các báo khác. Các trường hợp khác phụ thuộc vào quy chế nội bộ của cơ quan báo chí để xác định cơ quan báo chí là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

Thứ hai, đặc trưng về nội dung quyền tác giả của tác phẩm báo chí

- Cơ quan báo chí nắm quyền phát hành sản phẩm báo chí. Quyền phát hành là một phần của quyền công bố và truyền đạt tác phẩm báo chí đến công chúng.

Một tác phẩm được coi là tác phẩm báo chí, bên cạnh yêu cầu nội dung thông tin mang tính chất báo chí, tác phẩm này cần được đăng tải trên các sản phẩm báo chí. Sản phẩm báo chí ở đây được hiểu là ấn phẩm, phụ trương của báo in; nội dung hoàn chỉnh của báo điện tử; bản tin thông tấn; kênh phát thanh, kênh truyền hình; chuyên trang của báo điện tử do một chủ thể đặc biệt là cơ quan báo chí phát hành.

Cơ quan báo chí hoặc tổ chức, cá nhân có đăng ký phát hành được cơ quan báo chí ủy thác có độc quyền tổ chức phát hành báo chí. Phát hành báo chí được hiểu là hoạt động tiếp thị và phân phối sản phẩm báo chí có chứa đựng các tác phẩm báo chí đến công chúng. Bên cạnh việc đáp ứng về nội dung thông tin truyền đạt, để được coi là tác phẩm báo chí, tác phẩm này phải được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) của cơ quan báo chí. Quyền phát hành này tương ứng với việc cung cấp đến công chúng với số lượng bản sao tác phẩm báo chí đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm báo chí; đưa tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm đến công chúng mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, tương đương với quyền công bố, truyền đạt tác phẩm. Đây là đặc trưng của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, bởi tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả (không phải là cơ quan báo chí) nắm quyền công bố và truyền đạt tác phẩm nhưng quyền phát hành là đặc quyền của cơ quan báo chí bởi việc phân phối các sản phẩm báo chí đến công chúng thuộc về cơ quan báo chí.

- Quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí của tác giả bị chi phối bởi cơ quan báo chí.

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, tác giả – người sáng tạo ra tác phẩm có quyền đặt tên, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả (khoản 1, khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ). Tuy nhiên, đối với tác phẩm báo chí, bởi đặc trưng người đứng đầu cơ quan báo chí chịu trách nhiệm về mọi mặt, bảo đảm thực hiện tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của cơ quan báo chí, do đó, quyền của tác giả trong việc đặt tên tác phẩm báo chí hay bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm báo chí sẽ bị chi phối để phù hợp với các tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí cũng như việc bảo đảm quyền lợi của người đứng đầu cơ quan báo chí. Quy trình xuất bản một tác phẩm báo chí cũng phải qua nhiều giai đoạn, nhiều phòng ban, dẫn đến việc biên tập lại nội dung hay đặt lại tên tác phẩm sao cho phù hợp với hoạt động của cơ quan báo chí là điều không tránh khỏi.

1.3. Sự hình thành và phát triển các quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí ở Việt Nam.

Ngay từ bản hiến pháp đầu tiên vào năm 1946, Nhà nước Việt Nam đã ghi nhận những quyền cơ bản của công dân liên quan đến quyền tác giả, thể hiện tư tưởng tiến bộ nhân văn về quyền con người. Đó là quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của công dân, là việc Nhà nước cam kết bảo vệ quyền lợi của trí thức, tôn trọng quyền tư hữu tư nhân về tài sản. Tư tưởng lập pháp đó đã tiếp tục được thể hiện tại Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và Hiến pháp năm 2013 đang có hiệu lực thi hành.

Năm 1986 với việc Hội đồng bộ trưởng ban hành Nghị định 142/HĐBT quy định quyền tác giả, Việt Nam đã bước đầu đặt cơ sở pháp lý cho việc xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật về quyền tác giả, bảo hộ quyền lợi tinh thần, vật chất cho tác giả, khuyến khích công dân sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học...

Tại Điều 2 Nghị định 142/HĐBT cũng đã ghi nhận những loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, gồm: “*Các tác phẩm, công trình viết (văn học nghệ thuật, chính trị khoa học và kỹ thuật v.v...); Các tác phẩm điện ảnh, vô tuyến truyền hình, ghi băng hình (video). - Các tác phẩm thu thanh bằng cơ giới, bằng từ tính hoặc bằng các phương pháp khác cho hiệu quả tương đương*”. Quy định này đã được cụ thể hóa tại mục 1 Thông tư 04-VH/TT của Bộ Văn hóa ngày 07/01/1987 hướng dẫn giải thích Nghị định 142/HĐBT quy định quyền tác giả, theo đó: “*Các tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, kỹ thuật viết, gồm các loại nói (báo cáo), viết hoặc in: các thể loại truyện, tùy bút, phóng sự, bút ký, thơ ca, dịch phóng tác, chuyển thể, toàn tập, tuyển tập, sưu tầm, nghiên cứu, công trình nghiên cứu và triển khai, các loại từ điển, sách giáo khoa, kịch bản sân khấu, kịch bản văn học, điện ảnh; các bản đề cương, đề án thiết kế; các văn kiện của Đảng và Nhà nước v.v...*”. Thông tư còn quy định rõ: “*Những văn kiện sau đây không phải là đối tượng của quyền tác giả: các quyết định, thông báo của toà án, cơ quan Nhà nước; các bản tin báo chí và thông tin các sự kiện thời sự, các bức ảnh thời sự không có tên tác giả, kể cả tác giả tập thể*”.

Với quy định trên, một số thể loại tác phẩm báo chí đã được ghi nhận bảo hộ quyền tác giả, như: bút ký, phóng sự trên báo in. Đồng thời, các quy định này đã đề cập đến các phương tiện mà tác phẩm báo chí được đăng tải – phát thanh, truyền hình, nhưng vẫn gọi tên chung chung là tác phẩm thu thanh hay tác phẩm vô tuyến truyền hình.

Ngày 28/12/1989, Luật Báo chí được ban hành, đã định hình các thể loại báo chí gồm “*báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn); báo nói (chương trình phát thanh); báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe - nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài*”, đồng thời, cụm từ “*tác phẩm báo chí*” lần đầu tiên được đề cập đến trong quy định về nghĩa vụ của nhà báo trong việc chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm báo chí của mình. Như vậy, Luật

Báo chí năm 1988 đã công nhận thành quả sáng tác của nhà báo , công nhận quyền của nhà báo đối với tác phẩm báo chí của mình.

Trước yêu cầu của sự phát triển, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh về quyền tác giả vào tháng 10-1994. Tại kì họp thứ 8 khoá IX, Quốc hội đã biểu quyết thông qua BLDS, trong đó có các quy định về quyền tác giả. Với 36 điều quy định riêng về quyền tác giả tại chương I, phần thứ 6 và phần thứ 7, Bộ luật Dân sự năm 1995 được coi là bộ luật đầu tiên quy định về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng.

Năm 1999, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí có hiệu lực . Năm 2002, Chính phủ ban hành Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26.04.2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí , Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí , lần đầu tiên đưa ra định nghĩa tác phẩm báo chí – đối tượng được bảo hộ quyền tác giả , theo đó, “tác phẩm báo chí” là “tên gọi chung cho tất cả các thể loại tin, bài, ảnh ...đã được đăng, phát trên báo chí”.

Để cụ thể hóa các quy định về quyền tác giả của Bộ luật Dân sự năm 1995, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 76/CP ngày 29/11/1996 hướng dẫn thi hành một số các quy định về quyền tác giả trong Bộ luật dân sự; Thông tư 27/2001/TT-BVHTT của Bộ văn hóa Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định 76/CP. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển về kinh tế cũng như xã hội , đặc biệt là sự hội nhập quốc tế, Bộ luật Dân sự năm 1995 đã bộc lộ nhiều điểm hạn chế trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự , trong đó bao gồm cả quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, cụ thể: Cách tiếp cận quyền tác giả dưới góc độ quyền sở hữu tác phẩm không thể hiện rõ nét tính vô hình của quyền tác giả – đặc trưng của tài sản trí tuệ; phạm vi điều chỉnh không trọn vẹn các vấn đề mang tính hành chính của quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ (về thủ tục đăng ký quyền tác giả , xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu ...); Chưa quy định rõ các quyền tài sản của người sáng tạo ra tác phẩm ...Do vậy, việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 2005 thay thế cho Bộ luật Dân sự năm 1995 là việc làm cần thiết và hợp lý . Tại chương XXXIV, phần thứ 6 Bộ luật Dân sự năm 2005 về quyền tác giả và quyền

liên quan, chỉ đề cập đến những vấn đề chung nhất về quyền tác giả , đó là: tác giả, đối tượng quyền tác giả, nội dung quyền tác giả, thời điểm phát sinh hiệu lực quyền tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả ..., những nội dung cụ thể khác do Luật Sở hữu trí tuệ quy định. So với các quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Dân sự năm 2005 có nhiều điểm mới từ cách tiếp cận. Về chủ thể của quyền tác giả, theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995, gồm tác giả và chủ sở hữu tác phẩm, trong đó tác giả có sự phân chia vai trò giữa người chủ biên và đồng tác giả khác. Trong khi đó, tại Bộ luật Dân sự năm 2005, không có sự phân chia vai trò như trên mà các đồng tác giả được quy định có quyền như nhau đối với phần tác phẩm do mình sáng tạo, theo đó, tác giả được định nghĩa: *“Người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học (sau đây gọi chung là tác phẩm) là tác giả của tác phẩm đó. Trong trường hợp có hai người hoặc nhiều người cùng sáng tạo ra tác phẩm thì những người đó là các đồng tác giả”* (Khoản 1 Điều 736). Bộ luật Dân sự năm 2005 đã bỏ cách gọi chủ sở hữu tác phẩm, thay vào đó là thuật ngữ *“chủ sở hữu quyền tác giả”*, thay đổi cách tiếp cận quyền tác giả dưới góc độ là một quyền dân sự liên quan đến tác phẩm được sáng tạo ra, mà không phải quyền sở hữu đối với tác phẩm đó, thể hiện rõ nét tính vô hình của quyền sở hữu trí tuệ. Về đối tượng quyền tác giả, Bộ luật Dân sự 2005 không liệt kê các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả mà đưa ra một khái niệm bao quát: *“Đối tượng quyền tác giả bao gồm mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, không phân biệt nội dung, giá trị và không phụ thuộc vào bất kỳ thủ tục nào”* (Điều 737). Về nội dung quyền tác giả ở Bộ luật Dân sự năm 2005 đã phân biệt rõ quyền nhân thân và quyền tài sản (Điều 738). Với việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 2005, nội dung bảo hộ quyền tác giả đã được quy định cụ thể, chi tiết, là cơ sở để xây dựng luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ.

Để thúc đẩy các bước phát triển mới trong hoạt động bảo hộ tại quốc gia và hội nhập quốc tế, tại kì họp thứ 8 khóa XI ngày 29-11-2005, Quốc hội đã thông qua LSHTT. Với 222 điều, LSHTT điều chỉnh các quan hệ sáng tạo, bảo hộ tài sản trí

tuệ của ba đối tượng gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. Tác phẩm báo chí được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ là một trong các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả. Cũng như đối với các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, nội dung của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí thể hiện ở quyền nhân thân và quyền tài sản. Nội dung của các quyền này về cơ bản tương tự như quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nhằm khắc phục kịp thời một số hạn chế, cản trở thực thi tại quốc gia và hội nhập quốc tế, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều LSHTT tại kì họp thứ 5 ngày 19-6-2009 với 33 điều sửa đổi, bổ sung.

Để hướng dẫn chi tiết về quyền tác giả, sau khi Luật Sở hữu trí tuệ ra đời, các Nghị định hướng dẫn thi hành cũng đã được ban hành: Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, LSHTT; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22.9.2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LSHTT về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Chỉ thị số 36/2008/CT-Ttg ngày 31/12/2008 về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; Nghị định 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22.9.2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LSHTT về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nghị định 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP; Nghị định 131/2013/NĐ-CP ngày 13/05/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng có quy định về các tội xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan, theo đó, người không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện việc sao chép tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình hoặc phân phối đến công chúng bản sao tác phẩm, bản sao bản ghi âm, bản sao bản ghi hình nhằm thu lợi bất chính, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam, nhằm thu lợi bất chính có thể bị phạt tiền từ 50.000.000

đồng đến 1.000.000.000 đồng tùy thuộc vào khoản lợi bất chính thu được hoặc phạt tù đến 03 năm.

Ngoài ra, Luật Xuất bản, Pháp lệnh Quảng cáo cũng có một số điều khoản quy định về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu trong giai đoạn mới, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017), Luật Báo chí năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017).

Như vậy, hệ thống văn bản pháp luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng đã tương đối đầy đủ, tạo hành lang pháp lý cho việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Hệ thống các chế tài về hành chính, dân sự và hình sự đã được hình thành, đảm bảo cho các quy định pháp luật về quyền tác giả được thi hành với bộ máy cưỡng chế của Nhà nước.

Đồng thời với hệ thống pháp luật quốc gia đã được định hình như trên, Hiệp định song phương về thiết lập quan hệ quyền tác giả, Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Hiệp định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam và Liên bang Thụy Sĩ cũng đang có hiệu lực thi hành.

Cùng với các điều ước quốc tế song phương trên, Việt Nam đã là thành viên của 5 điều ước quốc tế đa phương gồm Công ước Berne bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; Công ước Rome bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng; Công ước Brussel bảo hộ tín hiệu vệ tinh mang chương trình truyền qua vệ tinh đã mã hóa; Công ước Geneva bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống lại việc sao chép bất hợp pháp bản ghi âm của họ. Hiệp định Trips về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ. Các công ước song phương và đa phương trên đã trở thành một bộ phận của pháp luật quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, mở rộng tự do hóa thương mại, làn sóng ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đang trở nên mạnh mẽ trên khắp thế giới và trở thành một xu thế mới trong quan hệ kinh tế quốc tế. Không nằm ngoài xu thế đó, trong những năm qua Việt Nam đã rất nỗ lực, tích cực tham gia ký

kết nhiều Hiệp định FTA, mở ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả nói riêng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã tham gia và hoàn tất đàm phán 12 Hiệp định FTA song phương và đa phương. Trong số đó, có 8 FTA đã có hiệu lực và đang thực thi, là Hiệp định thương mại tự do thương mại ASEAN (AFTA, ký kết năm 1996) và 5 FTA giữa ASEAN với các đối tác (FTA giữa ASEAN và Trung Quốc; FTA giữa ASEAN và Hàn Quốc; FTA giữa ASEAN và Nhật Bản; FTA giữa ASEAN và Ấn Độ; FTA giữa ASEAN và Australia - New Zealand); 2 FTA song phương (Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - Nhật Bản và Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam - Chile). Các hiệp định đã ký kết nhưng chưa có hiệu lực là FTA Việt Nam - Hàn Quốc (ký kết ngày 5-5-2015) và FTA Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (ký ngày 29-5-2015); Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP, ký kết ngày 04-12-2015). Hiệp định đã kết thúc đàm phán có FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA, công bố ngày 01-2-2016). Trong đó, hai Hiệp định mang tính chất toàn cầu có tác động lớn tới Việt Nam và đặc biệt quan trọng với sở hữu trí tuệ là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA).

Việc gia nhập các Hiệp định FTA là cơ hội cho Việt Nam tận dụng các ưu đãi về kinh tế nói riêng và hợp tác về sở hữu trí tuệ nói riêng. Tuy nhiên việc tham gia các Hiệp định FTA cũng đặt ra yêu cầu điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho pháp luật Việt Nam bởi sự không tương thích với các cam kết của Hiệp định.

Có thể khẳng định rằng hoạt động lập pháp, lập quy về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng đã có bước phát triển vượt bậc, tạo lập được hành lang pháp lý an toàn, khuyến khích các hoạt động sáng tạo phát triển, đồng thời bảo hộ thành quả lao động sáng tạo đã kết tinh trong các tác phẩm báo chí. Luật pháp đó đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người sáng tạo, người sử dụng, và công chúng hưởng thụ; bảo vệ lợi ích quốc gia trong hội nhập; thể hiện tính thống nhất, minh bạch và khả thi. Về cơ bản nó phù hợp với các chuẩn mực

quốc tế, tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động bảo hộ tại quốc gia và hội nhập quốc tế có bước phát triển mới.

1.4. Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí theo các điều ước quốc tế và pháp luật một số quốc gia.

1.4.1. Các Điều ước quốc tế

- Công ước Berne

Công ước Bern được coi là đi đầu ước đa phương đầu tiên trong lĩnh vực quyền tác giả, được kí kết tại Berne, Thụy Sĩ vào năm 1886. Công ước đã được sửa đổi tại Paris năm 1896 và tại Berlin năm 1908, hoàn thiện tại Berne năm 1914, sửa đổi tại Rome năm 1928, tại Brussels năm 1948, tại Stockholm năm 1967 tại Paris năm 1971 và được bổ sung năm 1979. Phạm vi bảo hộ của Công ước Berne bao gồm các thể loại tác phẩm văn học và nghệ thuật, được quy định tại Điều 2 gồm: *“tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kỳ được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, tập in nhỏ và các bản viết khác, các bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm cùng loại; các tác phẩm kịch, hay nhạc kịch, các tác phẩm hoạt cảnh và kịch câm, các bản nhạc có lời hay không lời, các tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm được diễn tả bằng một kỹ thuật tương tự với điện ảnh, các tác phẩm đồ họa, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, chạm trổ, in thạch bản; các tác phẩm nhiếp ảnh và các tác phẩm được diễn tả bằng một kỹ thuật tương tự như nhiếp ảnh; các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng, minh họa, địa đồ, đồ án, bản phác họa và các tác phẩm tạo hình liên quan đến địa lý, địa hình, kiến trúc hay khoa học”*. Có thể thấy, theo phương pháp liệt kê các loại hình tác phẩm được bảo hộ, thuật ngữ *“tác phẩm báo chí”* không được đề cập tới. Tuy nhiên, căn cứ phương thức thể hiện là được viết dưới một dạng hình thức nhất định, tác phẩm báo chí là một trong những tác phẩm viết được bảo hộ theo Công ước Berne. Đồng thời, tại khoản 8 Điều 2 Công ước cũng quy định rõ: *“việc bảo hộ theo Công ước này sẽ không áp dụng cho những tin tức thời sự hay vụ việc vụn vặt chỉ mang tính chất thông tin báo chí”*. Có nghĩa là, trừ những tin tức thời sự hoặc vụ việc chỉ mang tính chất thông tin báo chí, các bài viết báo chí được

sáng tạo ra nhằm mục đích đưa tin đến công chúng nhưng được thể hiện dưới dạng một hình thức nhất định như bình luận, phản ánh, điều tra, phóng sự, ghi nhanh...đều được coi là tác phẩm viết được bảo hộ bởi Công ước Berne.

Công ước Berne đề ra một số nguyên tắc cơ bản cho các tác phẩm văn học, khoa học, nghệ thuật, trong đó bao gồm cả tác phẩm báo chí:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia : Bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ các quốc gia thành viên của Công ước, tương tự như bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình.
- Nguyên tắc tự động bảo hộ : Việc hưởng và thực hiện các quyền tác giả này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục hay tùy thuộc vào việc tác phẩm có được bảo hộ hay không ở nước gốc của tác phẩm.
- Nguyên tắc độc lập bảo hộ : Việc bảo hộ trong quyền tác giả trong quốc gia do luật pháp quốc gia quy định

Công ước Berne được quản lý bởi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Công ước Berne đã có hiệu lực tại Việt Nam từ 26/10/2004.

- *Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs)*

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ là một phụ lục của thỏa thuận thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), được ký kết vào ngày 15/4/1994 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1996. Đây là kết quả của vòng đàm phán Uruguay trong khuôn khổ Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) bao hàm trong Hiệp định là những khía cạnh quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Hiệp định TRIPs đã khẳng định lại và mở rộng các chuẩn mực và quy định của Công ước Bern, đẩy quá trình phù hợp hóa luật sở hữu trí tuệ của các nước thành viên WTO với Hiệp định TRIPs. Đây được coi là hiệp định duy nhất đầu tiên thực sự mang tính quốc tế đã đưa ra các chuẩn mực tối thiểu về bảo hộ nhiều hình thức của sở hữu trí tuệ, có những quy định cụ thể về trách nhiệm dân sự, hình sự và bảo vệ biên giới; và được áp dụng để giải quyết tranh

chấp. Trên thực tế, TRIPS đặt nền tảng cho một hạ tầng cơ sở vững chắc và hiện đại trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ cho cộng đồng quốc tế.

Hiệp định TRIPs đưa ra một danh mục các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm từ quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn cho tới các thông tin bí mật. Hiệp định TRIPs quy định phạm vi bảo hộ bản quyền bao gồm sự thể hiện và không bao gồm các ý đồ, trình độ, phương pháp tính hoặc các khái niệm toán học.

Hiệp định TRIPs áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong thương mại quốc tế đối với các quốc gia thành viên về sở hữu trí tuệ, trong đó có quy chế đối xử quốc gia và quy chế tối huệ quốc. TRIPs cũng nêu cụ thể những hạn chế và ngoại lệ có thể chấp nhận nhằm hài hòa lợi ích sở hữu trí tuệ với lợi ích trong những lĩnh vực khác, chẳng hạn như sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế.

Trở thành thành viên của WTO, Việt Nam cam kết thực hiện đầy đủ Hiệp định TRIPs của WTO ngay sau khi gia nhập.

- *Hiệp ước WIPO về bản quyền*

Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) được thành lập từ tiền thân là Văn phòng Quốc tế về quản lý quyền đối với sáng chế, theo Hiệp ước thành lập giữa các nước thành viên của Công ước Bern và Công ước Paris, trên cơ sở Công ước ký tại Stockholm ngày 14/7/1967.

Hiệp ước quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WCT), được ký kết tại Geneva ngày 20/12/1996. Nó mở rộng việc phê chuẩn, chấp thuận gia nhập cho các quốc gia thành viên của Wipo và Cộng đồng Châu Âu (EC). Hiệp ước gồm có 25 điều và các điều khoản của Công ước Bern được dẫn chiếu trong Hiệp ước. Tương tự như Hiệp định TRIPs, Hiệp ước WIPO quy định sự bảo hộ quyền tác giả được dành cho tác phẩm đã được thể hiện chứ không dành cho bản thân ý tưởng, thủ tục, phương thức hoạt động hoặc các khái niệm toán học. Về các quyền của tác giả, Hiệp ước đề cập đến 3 quyền: quyền phân phối; quyền cho thuê; quyền truyền thông công cộng. Trừ các hạn chế và ngoại lệ cụ thể, các quyền này là các quyền

độc quyền. Hiệp ước ràng buộc các quốc gia thành viên quy định quyền áp dụng biện pháp tự bảo vệ quyền, chống lại việc dỡ bỏ, phá hủy các biện pháp công nghệ, các thông tin quản lý quyền. Hiệp ước ràng buộc quốc gia thành viên về việc thông qua các biện pháp cần thiết, để bảo đảm áp dụng Hiệp ước, phù hợp với hệ thống pháp lý của quốc gia mình. Hiện nay, Hiệp ước có 70 nước thành viên. Tại thời điểm này Việt Nam chưa tham gia Hiệp ước WCT. Tuy nhiên, trong thời gian tới, do đã tham gia ký kết các FTA thế hệ mới mang tính toàn cầu như TPP và EVFTA, Việt Nam sẽ sớm gia nhập Hiệp ước WCT.

- *Công ước toàn cầu về bản quyền (UCC)*

Công ước quyền tác giả toàn cầu (UCC) bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, do Tổ chức các nước châu Mỹ quản lý, được thông qua tại Geneva, Thụy Sĩ ngày 6/9/1952 và sửa đổi ngày 24/7/1971 tại Paris Cộng hòa Pháp. Công ước UCC ra đời đã tạo điều kiện để những nước tham gia Công ước Bern quy định về việc bảo hộ được xác lập tự động và một bên là Mỹ và các quốc gia Châu Mỹ Latinh quy định quyền tác giả phải được đăng ký, nộp lưu chiểu và có dấu hiệu quyền tác giả, đều trở thành thành viên của Công ước.

Công ước UCC gồm có 21 điều, phần phụ lục, nghị quyết và biên bản, để mở cho bất kỳ quốc gia nào đệ đơn gia nhập. Công ước quy định các quốc gia thành viên có quy định bảo hộ quyền tác giả phải coi điều kiện được đáp ứng khi trên các bản sao của tác phẩm được công bố lần đầu tiên có dấu hiệu chữ “C” bên trong vòng tròn. Công ước UCC công nhận nguyên tắc đối xử quốc gia và không hồi tố.

Đến ngày 15-7-2009 Công ước UCC có 100 quốc gia thành viên. Tại thời điểm này Việt Nam chưa nộp đơn tham gia Công ước UCC.

Các Điều ước và Hiệp ước quốc tế, Hiệp định nêu trên có khoảng trên 200 điều luật, là những quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên. Công dân và pháp nhân các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ khi khai thác các quyền tác giả, quyền liên quan của công dân và pháp nhân Việt Nam, ngược lại công dân và pháp nhân Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi khai thác, sử dụng quyền tác

giả, quyền liên quan của công dân và pháp nhân của các quốc gia thành viên liên quan.

Các Công ước và Hiệp ước quốc tế nêu trên đã và đang tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống văn học, nghệ thuật của Việt Nam nói riêng và hệ thống pháp luật về quyền tác giả nói chung trên cơ sở phù hợp hóa luật quốc gia với hệ thống luật quốc tế, đặc biệt trong quá trình hội nhập hiện nay.

1.4.2. Pháp luật một số quốc gia

Quyền tác giả là một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ của các nước trên thế giới. Sự tồn tại song song hai hệ thống luật chính trên thế giới – hệ thống Common Law và hệ thống Civil Law đã được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu. Trong hai hệ thống này, liên quan đến việc bảo hộ quyền tác giả tồn tại hai hệ thống nhỏ: Pháp luật về quyền tác giả của hệ thống Common Law và Pháp luật về Bản quyền của hệ thống Civil Law. Các nước áp dụng pháp luật bản quyền như Hoa Kỳ, Anh, Canada, Úc,... Các nước áp dụng pháp luật quyền tác giả tiêu biểu như Pháp, Đức, Việt Nam... Cùng với xu thế hội nhập các nước đã xây dựng nên các điều ước quốc tế với những quy định mang tính hài hòa. Tuy nhiên, giữa hai hệ thống vẫn còn một số điểm khác biệt quan trọng. Để làm rõ những nội dung và những khác biệt giữa hai hệ thống luật này về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng, tác giả chọn pháp luật của hai nước tiêu biểu cho hai hệ thống luật trên là Hoa Kỳ và Thụy Điển.

- Luật Bản quyền của hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Luật Bản quyền năm 1976 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ được cả Thượng Nghị viện và Hạ nghị viện thông qua ngày 30/9/1976, có hiệu lực từ ngày 01/01/1978, được sửa đổi bổ sung năm 1998.

Về đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, phù hợp với quan điểm về đối tượng và nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả của pháp luật quốc tế, pháp luật Hoa Kỳ quy định đối tượng được bảo hộ quyền tác giả là các sáng tác văn học, nghệ thuật được thể hiện một cách hữu hình, cụ thể tại điểm a Điều 102 Luật Bản quyền Hoa Kỳ quy định: Luật Bản quyền bảo hộ tác phẩm nguyên thủy độc đáo hoàn chỉnh của tác giả

đã được định hình dưới bất kỳ một dạng vật chất thể hiện hữu hình nào hiện đã được biết hoặc sẽ được phát triển trong tương lai, mà từ các dạng vật chất thể hiện hữu hình này tác phẩm có thể được cảm nhận, tái bản, hoặc phổ biến khác hoặc là trực tiếp hoặc là với sự trợ giúp của các máy móc thiết bị. Tính thể hiện hữu hình được làm rõ tại Điều 101 như sau: Tác phẩm được “*định hình*” trên một vật chất thể hiện hữu hình khi mà sự thể hiện tác phẩm trên bản sao hoặc bản ghi thông qua hoặc trên cơ sở sự cho phép của tác giả, phải hoàn toàn ổn định hoặc chắc chắn là cho phép tác phẩm được cảm nhận, tái bản hoặc phổ biến khác tới công chúng một khoảng thời gian dài hơn là một khoảng thời gian chuyển tiếp. Luật Bản quyền Hoa Kỳ không mở rộng đến các ý tưởng, các biện pháp, phương pháp, nguyên lý hoạt động, khái niệm, quy luật, phát minh, không phân biệt hình thức mà chúng được miêu tả, giải thích, minh họa hoặc diễn đạt trong tác phẩm đó. Trên các nguyên tắc chung này, Luật Bản quyền Hoa Kỳ quy định cụ thể các đối tượng thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả, bao gồm: Xét về thể loại, các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả là tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc bao hàm tác phẩm kèm theo bất kỳ một từ nào, tác phẩm sân khấu bao hàm các tác phẩm kèm theo bất kỳ âm thanh nào, tác phẩm kịch câm và vũ ba lê, tác phẩm về nghệ thuật, mỹ thuật, điêu khắc, tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm nghe nhìn khác, bản ghi âm, và tác phẩm kiến trúc; Xét về nguồn gốc, tác phẩm được bảo hộ không chỉ bao gồm tác phẩm nguyên thủy mà còn có tác phẩm phái sinh và tác phẩm biên soạn. Có thể thấy, tác phẩm báo chí không được nhắc đến là một trong các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, tuy nhiên, tại phần giải thích khái niệm tại Điều 101, đã định nghĩa về tác phẩm văn học, đó là các tác phẩm không phải là tác phẩm nghe nhìn được diễn đạt bằng từ ngữ, số hoặc các hình thức chữ viết khác hoặc các biểu tượng số hoặc ký hiệu không phân biệt bản chất của vật liệu sử dụng như là sách, tạp chí, sổ tay, bản ghi âm, phim, băng, đĩa, thẻ ghi mà trong đó các tác phẩm được biểu hiện. Ở Hoa Kỳ, báo chí không được luật hóa thành một chế định pháp lý riêng, tuy nhiên, tiêu biểu cho hệ thống pháp luật Common Law, Hoa Kỳ kết hợp cả luật pháp, qui định và án lệ, tạo ra bộ các nguyên tắc pháp lý chung về tự do báo chí, các nguyên tắc, nội dung của tự do

báo chí cũng gián tiếp quy định về tác quyền trong lĩnh vực báo chí. Mặt khác, lời tựa của Bộ Quy tắc đạo đức của cộng đồng báo chí chuyên nghiệp Hoa Kỳ có ghi rõ: Sự trung thực, liêm khiết trong nghề nghiệp chính là nền tảng căn bản quyết định mức độ đáng tin cậy của các nhà báo, tờ báo. Các nhà báo không được phép bịa đặt tin tức, không được đạo văn; không được tự tiện sử dụng các bản tin, tác phẩm của người khác, không được in lại tin, bài do người khác viết nếu không được sự đồng ý. Căn cứ trên các quy định này, tác phẩm báo chí thuộc đối tượng bảo hộ bản quyền ở Hoa Kỳ.

Về chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, theo chương 2 Luật Bản quyền Hoa Kỳ, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí bao gồm: chủ sở hữu gốc là tác giả (các tác giả) – người sáng tạo ra tác phẩm được bảo hộ là nhà báo, phóng viên, cộng tác viên; chủ sở hữu - người mà tác phẩm được tạo ra cho họ được hiểu là cơ quan báo chí; chủ sở hữu là người được chuyển nhượng quyền tác giả; chủ sở hữu trong trường hợp tác phẩm hợp tuyển.

Về thời hạn bảo hộ quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng, nếu tác phẩm báo chí được sáng tạo lần đầu vào hoặc sau ngày 01/01/1978 (thời điểm Luật Bản quyền năm 1976 có hiệu lực), hoặc tác phẩm báo chí được sáng tạo trước ngày 01/01/1978 nhưng chưa xuất bản hoặc đăng ký, được bảo hộ từ thời điểm được sáng tạo cho đến hết cuộc đời tác giả, cộng thêm 70 năm sau khi tác giả qua đời. Đối với các tác phẩm báo chí ký danh, thời hạn bảo hộ bản quyền là 95 năm kể từ năm công bố lần đầu của tác phẩm, hoặc một thời hạn là 120 năm kể từ năm sáng tạo tác phẩm, tùy thuộc vào thời hạn nào kết thúc trước...

Về nội dung quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, Luật Bản quyền Hoa Kỳ quy định bao gồm: Các quyền độc quyền như tái bản tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả dưới dạng bản sao hoặc bản ghi; sáng tạo các tác phẩm phái sinh trên cơ sở các tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả; phân phối các bản sao và bản ghi của tác phẩm báo chí được bảo hộ quyền tác giả tới công chúng thông qua việc bán hoặc các hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu khác. Luật Bản quyền của Hoa Kỳ không thừa nhận quyền nhân thân cho tác giả của tác phẩm báo chí.

Về những hạn chế của quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, pháp luật Hoa Kỳ quy định như sau: Hạn chế đối với các quyền độc quyền (sử dụng hợp lý căn cứ vào mục đích và đặc điểm của việc sử dụng, bản chất của tác phẩm được sử dụng, các phần tác phẩm được sử dụng, giá trị của tác phẩm trên thị trường sau khi sử dụng); Hạn chế của các quyền độc quyền (tái bản nhằm mục đích lưu trữ và dùng trong thư viện); Hạn chế các quyền độc quyền (một số ngoại lệ đối với quyền trình diễn hoặc trình bày).

Về các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí và biện pháp thực thi, theo quy định tại Điều 501 Luật Bản quyền Hoa Kỳ, bất cứ người nào xâm phạm một trong các quyền độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả hoặc của các tác giả hoặc người nhập khẩu các bản sao hoặc bản ghi vào Hoa Kỳ vi phạm Điều 602, là người vi phạm bản quyền hoặc quyền của tác giả, tùy trường hợp cụ thể. Chủ sở hữu hợp pháp hoặc thụ hưởng quyền độc quyền theo quyền tác giả tác phẩm được hưởng quyền, có quyền tiến hành khiếu kiện đối với các hành vi xâm phạm quyền cụ thể đó. Luật Bản quyền Hoa Kỳ quy định chi tiết các biện pháp thực thi chống vi phạm bản quyền báo chí, gồm: các lệnh của Tòa án để ngăn chặn hoặc ngăn ngừa xâm phạm quyền tác giả; tịch thu và xử lý đồ vật vi phạm; bồi thường thiệt hại và lợi nhuận; chi phí tố tụng và lệ phí Luật sư; các hình phạt hình sự; cấm nhập khẩu và phân phối.

Nhìn chung, pháp luật Hoa Kỳ về quyền tác giả đối được quy định chi tiết, cụ thể, có tính chất hướng dẫn, định hướng cho việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

- *Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật của Thụy Điển*

Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật của Thụy Điển ra đời ngày 30/12/1960 và được sửa đổi bổ sung ngày 01/04/2000.

Về đối tượng bảo hộ, Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển quy định, bất kỳ người nào sáng tạo ra tác phẩm văn học hoặc nghệ thuật đều có quyền tác giả đối với tác phẩm đó, bất kể đó là sự thể hiện mang tính hư cấu hoặc miêu tả trong bài viết hoặc bài nói; chương trình máy tính; tác phẩm âm nhạc

hoặc tác phẩm kịch; tác phẩm điện ảnh; tác phẩm nhiếp ảnh hoặc các tác phẩm mỹ thuật khác; tác phẩm kiến trúc hoặc tác phẩm mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm được thể hiện dưới hình thức khác, bản đồ và những loại tác phẩm thiết kế mang tính mô tả khác như bản vẽ, trạm trổ, hoặc hình thức không gian ba chiều cũng được coi là tác phẩm văn học.

Như vậy, có thể thấy, so với Luật Bản quyền của Hoa Kỳ, yêu cầu tác phẩm phải được thể hiện dưới một hình thức hữu hình, Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật của Thụy Điển bảo hộ các tác phẩm được thể hiện dưới hình thức bất kỳ. Ví dụ như một bài phát biểu, bài giảng muốn được bảo vệ quyền tác giả theo Luật Bản quyền của Hoa Kỳ thì phải thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định như văn bản, còn theo Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật của Thụy Điển thì chỉ cần bài phát biểu, bài giảng được nói ra, đã được bảo hộ.

Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển quy định mở rộng về đối tượng được bảo hộ quyền tác giả là sự thể hiện mang tính hư cấu hoặc miêu tả trong bài viết hoặc bài nói. Bài viết, bài nói này có thể hiểu bao gồm cả tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật và cả tác phẩm báo chí. Tại Điều 8 Chương I Luật tự do báo chí của Thụy Điển cũng quy định rõ: Các quy định được nêu trong luật này áp dụng đối với các quyền được trao cho những người sáng tạo ra một tác phẩm văn học hay nghệ thuật hoặc người khởi tạo một hình ảnh, về các quyền liên quan đến quyền tác giả, và việc cấm sao chép các tác phẩm văn học hay nghệ thuật như một cách để xâm phạm lợi ích văn hoá.

Về chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật quy định: tác giả phải là thể nhân trực tiếp sáng tạo hoặc tham gia sáng tạo lên tác phẩm vì chỉ có thể nhân mới có thể tư duy sáng tạo. Tác giả ở đây được xác định, bao gồm: Người sáng tạo ra tác phẩm gốc, người dịch hoặc phóng tác tác phẩm gốc, người hợp tuyển tác phẩm. Điều này khác so với Luật quyền tác giả của Hoa Kỳ, theo đó tác giả có thể là thể nhân trực tiếp sáng tác, nhà sản xuất, người đặt hàng làm tác phẩm...

Về nội dung quyền tác giả , tại Điều 2 Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật quy định , quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí bao gồm quyền độc quyền kiểm soát việc sao chép và cung cấp bản gốc hoặc bản sửa đổi của tác phẩm báo chí tới công chúng, việc dịch và cải biên chuyển thể tác phẩm báo chí sang loại hình văn học hoặc nghệ thuật khác, hoặc bằng các phương tiện kỹ thuật khác. Tác phẩm báo chí được cung cấp tới công chúng chủ yếu thông qua hình thức mua sản phẩm báo chí hoặc tiếp nhận trực tiếp thông qua các phương tiện truyền thanh , truyền hình. Quyền nhân thân đối với tác phẩm báo chí được bảo hộ được quy định tại Điều 3 gồm quyền nêu tên tác giả của tác phẩm báo chí theo phạm vi và cách thức thông thường; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm báo chí , không được thay đổi tác phẩm báo chí làm ảnh hưởng đến danh tiếng và uy tín cá nhân của tác giả; được công bố tác phẩm khi có sự đồng ý của tác giả.

Về giới hạn đối với quyền tác giả , Điều 11 quy định khi tác phẩm báo chí đã được sử dụng công cộng trên cơ sở của những giới hạn quyền tác giả, nguồn gốc tác giả và tác phẩm phải được nêu trong phạm vi và cách thức sử dụng thông thường, và tác phẩm không thể bị thay đổi quá mức cần thiết đối với việc sử dụng được phép. Theo đó, những giới hạn về quyền tác giả bao gồm : Sao chép nhằm mục đích sử dụng cá nhân; sao chép trong hoạt động giáo dục; sao chép phục vụ các hoạt động trong bệnh viện; sao chép trong cơ quan lưu trữ và thư viện; sao chép dành cho những người khiếm thị; tác phẩm hỗn hợp sử dụng trong hoạt động giảng dạy; phân phối bản sao; trưng bày bản sao...

Về thời hạn bảo hộ quyền tác giả , Điều 43 của Luật quy định quyền tác giả của một tác phẩm báo chí tồn tại cho đến khi kết thúc năm thứ 70 sau năm tác giả qua đời, hoặc đối với tác phẩm báo chí đồng tác giả là sau năm tác giả cuối cùng qua đời. Trong trường hợp tác phẩm báo chí được công bố mà không nêu tên tác giả hoặc chữ ký thông dụng của tác giả, thì quyền tác giả tồn tại cho đến khi kết thúc năm thứ 70 sau năm tác phẩm được công bố. Trong trường hợp tác phẩm báo chí không được công bố trong thời hạn nêu trên, người mà sau đó đã công bố tác phẩm lần đầu hoặc phổ biến tác phẩm đến công chúng sẽ được hưởng các quyền kinh tế

trong thời hạn là 25 năm sau năm mà tác phẩm báo chí được công bố hoặc phổ biến tới công chúng.

Về các hành vi xâm phạm quyền tác giả và biện pháp thực thi, Điều 53 Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật quy định, là các hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí về quyền nhân thân, quyền kinh tế hoặc xâm phạm tới những quyết định liên quan đến việc thực hiện quyền tác giả hoặc ủy quyền cho người khác đưa ra những quyết định này, hoặc gây nhầm lẫn trong việc xác định tác phẩm hoặc tác giả sáng tạo tác phẩm đã cung cấp tới công chúng, sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù tới 2 năm, nếu hành vi đó được thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Điều này cũng được áp dụng đối với những người nhập khẩu bản sao vào Thụy Điển.

Ở Thụy Điển, đặc trưng bởi các tổ chức báo chí như Hội đồng báo chí Thụy Điển, Hội các nhà xuất bản báo, tạp chí (đại diện cho giới chủ báo) và Hội Nhà báo Thụy Điển (tổ chức công đoàn của các nhà báo). Ba tổ chức này có trách nhiệm về những nguyên tắc chỉ đạo của Hội đồng báo chí và những chỉ đạo hiện hành đối với Thanh tra báo chí bảo đảm quyền lợi của các cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên, trong đó có bảo vệ bản quyền tác phẩm báo chí.

Có thể thấy, Luật quyền tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển là đại diện cho Luật quyền tác giả của các nước theo hệ thống luật lục địa (Civil Law), có những đặc điểm khác biệt cơ bản so với Luật quyền tác giả của các nước theo hệ thống thông luật (Common Law). Tuy nhiên, với việc các nước tham gia Công ước Bern, đã tạo ra một sự hài hòa giữa các hệ thống pháp luật lớn vốn nhiều mâu thuẫn. Pháp luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng của cả hai hệ thống luật trên cũng là tài liệu tham khảo để Việt Nam có thể đưa ra những quy định phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở nước ta cũng như tạo đà thúc đẩy quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với quốc tế.

Kết luận chương 1

Quyền tác giả là một chế định pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các bên chủ thể tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và những người sử dụng tác phẩm trên cơ sở đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên tham gia mối quan hệ này. Tác phẩm báo chí là một trong những đối tượng được bảo hộ quyền tác giả. Tác phẩm báo chí mang những đặc trưng riêng so với các tác phẩm văn học khoa học nghệ thuật ở cả hai yếu tố nội dung và hình thức. Do đó, về quyền tác giả, tác phẩm báo chí cũng có những đặc trưng riêng biệt cả về chủ thể quyền tác giả và nội dung quyền tác giả.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí đã và đang hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí, đặc biệt là sự tham gia các cam kết quốc tế có tính chất toàn cầu, là động lực để Việt Nam hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí nói riêng để đáp ứng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Pháp luật của một số nước trên thế giới có những đặc trưng riêng về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí. Đây là một nguồn tham khảo hữu ích, bởi từ những đặc trưng này, phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, Việt Nam có thể tham khảo để đưa ra những quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Giáo trình Nghiệp vụ báo chí , tập 1, Khoa Báo chí trường Tuyên huấn TW, H.1978 (lưu hành nội bộ)
2. Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012;
3. Giáo trình Tác phẩm báo chí đại cương, Nguyễn Thị Thoa, Nguyễn Thị Hằng Thu, Nxb. Giáo dục, 2011.
4. Trung tâm từ điển (2007), Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng;
5. Lê Nét (2006), Quyền sở hữu trí tuệ, Nxb. Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh.
6. Tạ Ngọc Tấn (1999), *Từ lý luận đến thực tiễn báo chí* , Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Dũng (2001), *Báo chí - Những điểm nhìn từ thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Quế Anh (2004), *Nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ*, Bài viết trong sách chuyên khảo: “*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*”, Nxb ĐHQGHN.
9. Vụ pháp luật Quốc tế - Bộ Tư pháp (2005), *Bình luận về quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
10. Dương Xuân Sơn (2007), *Cơ sở lý luận báo chí truyền thông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Trần Văn Nam (2014), *Quyền tác giả ở Việt Nam – Pháp luật và thực thi*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

12. Vũ Thị Hải Yến (2010), *Bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài khoa học, Đại học Luật Hà Nội.
13. TS. Nguyễn Ngọc Oanh , *Quy trình sáng tạo tác phẩm – đặc trưng và ứng dụng cho các loại hình sản phẩm báo chí*, Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông số tháng 9/2013, tr.15-18;
14. Hoàng Minh Thái (2001), *Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội;
15. Bùi Phương Lan, (2003), *Pháp luật về quyền tác giả trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
16. Trần Lan Hương (2004), *Quyền tác giả đối với loại hình tác phẩm nghe nhìn theo pháp luật Việt Nam và Cộng hoà Pháp*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội;
17. Ngô Ngọc Phương (2006), *Bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam với việc Việt Nam gia nhập Công ước Berne*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
18. Phạm Thị Hương Giang (2006), *Công ước Berne và việc thực hiện trong lĩnh vực xuất bản ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
19. Nguyễn Thị Thanh Phương (2009), *Giải quyết tranh chấp dân sự về quyền tác giả tại Tòa án*, Luận văn Thạc sĩ Luật dân sự, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
20. Lê Thuỳ Dương (2010), *Vấn đề vi phạm Luật báo chí trên báo in hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Truyền thông đại chúng, Đại học KHXH & NV;

21. Phạm Hồng Hải (2013), *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật dân sự, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
22. Phạm Huy Kiên (2014), *Vấn đề vi phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà báo Việt Nam qua các tác phẩm báo chí trên báo mạng điện tử*, Luận văn Thạc sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí & Tuyên truyền.
23. Nguyễn Thị Hương (2014), *Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật dân sự, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội;
24. Bài tham luận của ông Lê Quốc Vinh Hội thảo Vấn đề bản quyền báo chí trong kỷ nguyên số vừa được Hội Nhà báo Việt Nam và Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh đồng tổ chức ngày 28/1/2015 và Bài tham luận "*Hội thảo bảo hộ quyền tác giả trong môi trường số tại Việt Nam*" tại trường ĐH. Luật TP. Hồ Chí Minh của TS . Lê Thị Nam Giang.
25. <http://thanhtra.most.gov.vn/vi/cac-bai-nghien-cuu-shtt/x-ly-xam-ph-m-quy-n-s-h-u-tri-tu-b-ng-bi-n-phap-dan-s-t-i-vi-t-nam-th-c-ti-n-phap-lu-t-va-d-xu-t-hoan-thi-n>
26. <http://mic.gov.vn/mra/Pages/TinTuc/tinchitiet.aspx?tintucid=108889>
27. <http://nguoilambao.vn/Nhung-he-luy-tu-viec-che-bien-thong-tin-tren-bao-mang-dien-tu/>
28. <http://sonnymotivies.com/Cac-bao-dien-tu-Viet-Nam-co-vi-pham-ban-quyen/>
29. <http://www.baomoi.com/tbt-bao-dan-tri-noi-ve-tinh-trang-vi-pham-ban-quyen-bao-chi/c/10671539.epl>
30. <http://www.baomoi.com/cuoc-chien-ban-quyen-bao-dien-tu-mot-nam-nhin-lai/c/13004624.epl>
31. <http://dantri.com.vn/xa-hoi/vi-pham-tac-quyen-nxb-van-hoa-thong-tin-thua-kien-1151422687.htm>

32. <http://www.thesaigontimes.vn/126046/ban-bien-phap-bao-ve-ban-quyen-bao-chi-tren-mang.html/>
33. <http://ictnews.vn/internet/docbao-vn-bi-phat-15-trieu-dong-vi-vi-pham-ban-quyen-bai-bao-ve-ho-ngoc-ha-122659.ict>
34. <http://cand.com.vn/Xa-hoi/Can-hanh-lang-phap-ly-tot-hon-de-bao-ve-nha-bao-357861/>
35. <http://www.tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c101/n18493/Chong-nan-dao-bao-cua-cac-nha-cat-dan-Can-nhung-Pho-Duc-Phuong-trong-bao-chi.html>
36. <http://vanchuongviet.org/index.php?comp=tintuc&action=detail&id=3337>
37. <http://cinet.vn/articledetail.aspx?articleid=9332&sitepageid=545#sthash.tSZaTK8V.dpbs>
38. <http://baotintuc.vn/thoi-su/ttxvn-bao-ve-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan-trong-linh-vuc-bao-chi-xuat-ban-20120523080936668.htm>
39. <http://360ip.blogspot.com/2014/05/van-e-quyen-tac-gia-quyen-lien-quan.html>
40. <http://m.ictnews.vn/internet/chuyen-gia-nen-dep-bo-khai-niem-trang-tin-dien-tu-tong-hop-127904.ict>
41. <http://www.tuyengiao.vn/Home/Van-de-quan-tam/77221/Trach-nhiem-xa-hoi-va-dao-duc-nguoi-lam-bao-trong-thoi-dai-so>
42. <https://sites.google.com/site/trunghuat08ct/TRUYEN/noi-dung-co-ban-copyright-theo-phap-luat-viet-nam-va-the-gioi>

Tiếng Anh

United States Code Title 17 – Copyrights as amended

Act on Copyright in Literary and Artistic Works of Sweden (1960:729)